

様式第 1 （第 4 条関係）

Hội đồng giáo dục thành phố Anjō
安城市教育委員会

Đơn đăng ký hỗ trợ học phí kiêm bản kê hộ khẩu
令和 年度 就学援助費支給申請書兼世帯票

※Lưu ý khi điền

- (1) Không ghi bằng bút chì hoặc các loại bút có thể tẩy xóa.
- (2) Khoanh tròn mục phù hợp trong phần lý do đăng ký.
- (3) Không ghi vào phần dành cho nhà trường [学校使用欄]

					Năm Tháng Ngày
					Ngày nộp đơn 年 月 日
Người nộp đơn 申請者 (Phụ huynh) (保護者)	Địa chỉ 住所 安城市 町				
	Tôi đồng ý để Ủy ban giáo dục thành phố Anjō xác nhận các tài liệu liên quan đến thuế cư trú của tôi và các thành viên trong hộ gia đình như là tài liệu xác nhận khi thực hiện việc xét duyệt đơn xin hỗ trợ chi phí học phí. 就学援助費支給申請の認定に当たり、安城市教育委員会が私及び世帯員の市県民税賦課資料台帳等を認定資料として確認することを承諾し、申請します。 フリガナ Họ tên 氏名 (※) (※) Nếu người nộp đơn không viết tay, xin vui lòng ký tên và đóng dấu. 本人が手書きしない場合は、記名押印してください。				
Tình hình gia đình (bao gồm cả người giám hộ).	Họ và tên 氏 名	Mối quan hệ 続 柄	Số cá nhân 個人番号	Ngày sinh 生 年 月 日	Nghề nghiệp hoặc tên trường và lớp học 職業又は学校名及び学年
		Người nộp đơn 本人		年 月 日	
				年 月 日	
				年 月 日	
				年 月 日	
				年 月 日	
				年 月 日	
				年 月 日	
申 請 理 由	1. Đang nhận trợ cấp xã hội. (生活保護を受給している) 2. Trợ cấp xã hội đã bị ngừng hoặc chấm dứt. (生活保護が停止又は廃止された) 3. Thuế cư trú của thành phố và huyện đã được miễn. (市町村民税が非課税であった) 4. Thuế cư trú của thành phố và huyện đã được giảm. (市町村民税が減免された。) 5. Thuế kinh doanh cá nhân đã được giảm. (個人の事業税が減免された) 6. Thuế bất động sản đã được giảm. (固定資産税が減免された) 7. Thuế bảo hiểm y tế quốc dân đã được giảm. (国民健康保険税が減免された) 8. Phí bảo hiểm y tế quốc dân đã được giảm hoặc hoãn thu. (国民健康保険料が減免又は徴収猶予された) 9. Phí bảo hiểm hưu trí quốc dân đã được miễn. (国民年金保険料が免除された) 10. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đã được cấp. (児童扶養手当が支給された) 11. Đã nhận khoản vay từ Quỹ phúc lợi xã hội. (生活福祉資金の貸付けを受けた) 12. Khác (Vui lòng ghi rõ cụ thể.) (その他 (具体的に記入してください))				
Mục sử dụng của trường 学校使用欄	上記の者を、就学援助を必要とする児童生徒又は就学予定者として報告します。 年 月 日 学校長				